

Số: /SYT-NV  
V/v xây dựng Kế hoạch và triển khai  
thực hiện giám sát, phòng, chống  
bệnh giun sán và các bệnh ký sinh  
trùng thường gặp.

Cà Mau, ngày tháng 03 năm 2026

Kính gửi:

- Các bệnh viện công lập và tư nhân;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- Trạm Y tế các xã, phường.

Căn cứ Quyết định số 1744/QĐ-BYT ngày 30/3/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn giám sát và phòng, chống bệnh ký sinh trùng thường gặp tại Việt Nam; Công văn số 937/VSR-DT ngày 09/9/2022 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc triển khai thực hiện giám sát, phòng, chống bệnh ký sinh trùng thường gặp theo Quyết định số 1744/QĐ-BYT;

Thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, có sự thay đổi về nhân sự phụ trách chương trình giám sát và phòng, chống bệnh giun sán, ký sinh trùng tại các đơn vị; ***Giám đốc Sở Y tế tỉnh Cà Mau đề nghị các đơn vị phối hợp triển khai thực hiện một số nội dung sau:***

### **1. Trạm Y tế xã, phường**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát, phòng, chống bệnh giun sán và các bệnh ký sinh trùng thường gặp phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; bảo đảm lồng ghép hiệu quả với các chương trình y tế hiện hành; tăng cường phát hiện sớm, quản lý ca bệnh và xử lý kịp thời, hạn chế nguy cơ lây lan trong cộng đồng.

### **2. Chế độ báo cáo giám sát, phòng, chống bệnh ký sinh trùng**

Các đơn vị gửi báo cáo về Khoa Phòng, chống bệnh truyền nhiễm - Ký sinh trùng - Côn trùng, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (Bs. Nguyễn Huyền Trang, SĐT: 0915.181.507, email: kysinhtrungcdc@gmail.com), cụ thể:

Các bệnh viện công lập và tư nhân thực hiện chế độ báo cáo điều trị bệnh ký sinh trùng trước ngày 08 của tháng tiếp theo theo Biểu mẫu số 6, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1744/QĐ-BYT ngày 30/3/2021 của Bộ Y tế.

Các Trạm Y tế xã, phường báo cáo công tác phòng, chống bệnh ký sinh trùng tại địa phương trước ngày 08 của tháng tiếp theo theo Biểu mẫu số 2, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1744/QĐ-BYT ngày 30/3/2021 của Bộ Y tế.

### **3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau**

Tổng hợp số liệu giám sát và phòng, chống các bệnh ký sinh trùng, báo cáo về Sở Y tế, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng TP. Hồ Chí Minh và Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương theo quy định.

Các đơn vị quét mã QR để tham gia nhóm chuyên trách phục vụ công tác thống kê, báo cáo trên địa bàn tỉnh.

Sở Y tế đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện theo nội dung Công văn này./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Ban Giám đốc SYT (báo cáo);
- UBND xã, phường (phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: VT, NV<sub>(Th)</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Vương Hữu Tiên**

BC giun sán, ký sinh trùng 2026  
Nhóm Zalo



**Biểu mẫu 2. Báo cáo công tác phòng chống ký sinh trùng xã/phường**UBND XÃ/PHƯỜNG.....  
TRẠM Y TẾ .....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG BỆNH KÝ SINH TRÙNG**

Tháng ..... Năm 20 .....

BCX

**I. Tình hình bệnh giun truyền qua đất**

Nhóm tuổi		Số trường hợp nhiễm/tỷ lệ				
		Tổng số ca nhiễm	Giun đũa	Giun tóc	Giun móc	Giun kim
1.1	Trẻ từ 12 đến dưới 24 tháng tuổi					
1.2	Trẻ từ 24 đến dưới 60 tháng tuổi					
1.3	Trẻ từ 60 tháng đến dưới 11 tuổi					
1.4	Trẻ từ 11 đến dưới 15 tuổi					
1.5	Phụ nữ tuổi sinh sản 15-45 tuổi					
1.6	Đối tượng khác (nam >15 tuổi, nữ > 45 tuổi)					
1.7	Khác					
<b>Tổng số</b>						

**II. Tình hình mắc bệnh giun, sán khác**

Đối tượng	Nhiễm từng loại sán (số lượng/tỷ lệ)					
	Sán lá gan nhỏ	Sán lá gan lớn	Sán lá phổi	Sán lá ruột	Sán dây	Ấu trùng sán lợn
2.1	Người ≤ 15 tuổi					
2.2	Người > 15 tuổi					
<b>Tổng số</b>						
Đối tượng	Giun đũa chó mèo		Giun lươn	Giun xoắn	Giun đầu gai	KST khác
2.3	Người ≤ 15 tuổi					
2.4	Người > 15 tuổi					
<b>Tổng số</b>						

**III. Hoạt động tẩy giun, sán**

Đối tượng		Tổng số đối tượng đích	Tổng số đối tượng uống thuốc	Tỷ lệ % uống thuốc	Số có tác dụng không mong muốn phải xử trí	% tác dụng không mong muốn phải xử trí
3.1	Trẻ từ 12 đến dưới 24 tháng tuổi					
3.2	Trẻ từ 24 đến dưới 60 tháng tuổi					
3.3	Trẻ từ 60 tháng đến dưới 11 tuổi					
3.4	Trẻ từ 11 đến dưới 15 tuổi					
3.5	Phụ nữ tuổi sinh sản 15-45 tuổi					
3.6	Đối tượng khác (nam >15 tuổi, nữ > 45 tuổi)					
<b>Tổng số</b>						

#### IV. Hoạt động giáo dục truyền thông

Các hình thức truyền thông		Số lượng/ số lần	Số người tham dự	Nội dung
4.1	Phân phát tranh treo tường			
4.2	Phân phát tờ rơi			
4.3	Phân phát truyện tranh			
4.4	Băng rôn			
4.5	Phát thanh trên loa đài địa phương			
4.6	Nói chuyện chuyên đề,			
4.7	Thảo luận nhóm			
4.8	Tivi			
4.9	Chiếu video			

#### V. Tình hình sử dụng thuốc, vật tư

	Các loại thuốc sử dụng	Tồn kỳ trước	Lĩnh thêm	Đã sử dụng	Hiện còn	Hạn sử dụng	Nhu cầu kỳ sau
5.1	Albendazole 400mg						
5.2	Mebendazole 500mg						
5.3	Praziquantel 600mg						
5.4	Egaten 500m						

5.5	Thuốc khác						
-----	------------	--	--	--	--	--	--

**VI. Thông tin về môi trường, nhà tiêu, nước sạch**

- Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh: ..... hộ, đạt .....% nhà tiêu hợp vệ sinh
- Số hộ có sử dụng nước sạch: ..... hộ, đạt .....% hộ sử dụng.
- Số hộ sử dụng phân tươi bón cho cây trồng hoặc cho cá ăn: .....hộ.

**VI. Đánh giá và đề nghị:** *(Đánh giá chung về hoạt động phòng chống giun, sán và các đề nghị).*

.....

.....

.....

.....

**Trạm Y tế xã/phường**  
*(Ký tên đóng dấu)*

*Ngày ..... tháng ..... năm 20....*  
**Người báo cáo**  
*(Ký ghi rõ họ tên)*

**Biểu mẫu 6. Báo cáo công tác phòng chống ký sinh trùng bệnh viện**SỞ Y TẾ.....  
BỆNH VIỆN .....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----**BÁO CÁO ĐIỀU TRỊ BỆNH KÝ SINH TRÙNG**

Tháng ..... Năm 20 .....

*(Sử dụng cho tất cả các bệnh viện và cơ sở điều trị)***I. Tình hình điều trị ca bệnh ký sinh trùng****1.1. Điều trị bệnh giun đường ruột**

Đối tượng đích		Tổng số ca nhiễm	Giun đũa	Giun tóc	Giun móc	Giun kim	Nhiễm chung
1.1.1	Trẻ từ 12 đến dưới 24 tháng tuổi						
1.1.2	Trẻ từ 24 đến dưới 60 tháng tuổi						
1.1.3	Trẻ từ 60 tháng đến dưới 11 tuổi						
1.1.4	Trẻ từ 11 đến dưới 15 tuổi						
1.1.5	Phụ nữ tuổi sinh sản 15-45 tuổi						
1.1.6	Đối tượng khác (nam >15 tuổi, nữ > 45 tuổi)						
1.1.7	Khác						
<b>Tổng số</b>							

**1.2. Điều trị ca bệnh do sán và các bệnh do giun khác**

Đối tượng		Sán lá gan nhỏ	Sán lá gan lớn	Sán lá phổi	Sán lá ruột	Sán dây	Ấu trùng sán lợn
1.2.1	Người ≤ 15 tuổi						
1.2.2	Người > 15 tuổi						
<b>Tổng số</b>							
Đối tượng		Giun đũa chó mèo		Giun lươn	Giun xoắn	Giun đầu gai	KST khác
1.2.3	Người ≤ 15 tuổi						
1.2.4	Người > 15 tuổi						
<b>Tổng số</b>							

**II. Kết quả xét nghiệm phát hiện bệnh ký sinh trùng trong tháng ..... năm 20 .....**

Phương pháp		Tổng số ca	Tỷ lệ nhiễm chung	Giun đũa	Giun tóc	Giun móc	Sán lá gan nhỏ	Sán lá gan lớn	Sán dây
2.1	Trực tiếp								
2.2	Kato-Katz								
2.3	Ether-formalin								
2.4	ELISA								
2.5	PCR								
2.6	CT scanner								
2.7	MRI								
Phương pháp		Giun đũa chó mèo	Ấu trùng sán lợn	Giun đầu gai	Sán lá ruột nhỏ	Sán lá ruột lớn	Đơn bào	KST khác	
2.1	Trực tiếp								
2.2	Kato-Katz								
2.3	Ether-formalin								
2.4	ELISA								
2.5	PCR								
2.6	CT scanner								
2.7	MRI								
2.8	Khác								

**III. Đánh giá và đề nghị:**

.....  
 .....  
 .....  
 .....

**Giám đốc bệnh viện**  
 (đóng dấu, ký tên)

Ngày .... tháng ..... năm 20...  
**Người báo cáo**  
 (ký, họ và tên)